

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

*(Theo Quyết định phê duyệt số 935/QĐ-UBND ngày 20/6/2022
của UBND tỉnh Yên Bái)*

YÊN BÁI - 2022

QUY ĐỊNH
VỀ QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 935 /QĐ-UBND ngày 20/6/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

I. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý

- Quy định quản lý này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch xây dựng các đô thị, các khu vực nông thôn, các ngành sản xuất, các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng xã hội, đảm bảo theo đúng đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 20/6/2022.

- Quy định quản lý này hướng dẫn việc quản lý, xây dựng phát triển đô thị, nông thôn theo đúng đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái phê duyệt tại Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 20/6/2022.

- Các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Mù Cang Chải phải thực hiện theo Quy định này.

- Ngoài những quy định này, việc quản lý quy hoạch xây dựng tại huyện Mù Cang Chải còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật Nhà nước có liên quan.

- Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những quy định tại văn bản này phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Quy định này là cơ sở để chính quyền các cấp, các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái lập Chương trình phát triển đô thị trên địa bàn huyện Mù Cang Chải; lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc các đô thị; làm căn cứ để lập Nhiệm vụ và Nội dung quy hoạch chung các đô thị, quy hoạch các khu chức năng ngoài đô thị, quy hoạch các ngành và lĩnh vực liên quan trên địa bàn toàn huyện Mù Cang Chải, tuân thủ định hướng Quy hoạch xây dựng vùng huyện Mù Cang Chải được duyệt.

II. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

2.1. Phạm vi, ranh giới vùng quản lý

Phạm vi, ranh giới vùng quản lý được xác định trên cơ sở bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Mù Cang Chải khoảng 120.096 ha, gồm 01 thị trấn và 13 xã. Ranh giới hành chính của huyện được xác định:

- Phía Bắc giáp huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai;
- Phía Nam giáp huyện Mường La, tỉnh Sơn La;
- Phía Đông giáp huyện Văn Yên và huyện Văn Chấn;
- Phía Tây giáp huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

2.2. Tính chất của vùng quản lý

- Là vùng đô thị, nông thôn với sự đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thích nghi với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

- Là vùng huyện miền núi gắn với không gian cảnh quan rừng nguyên sinh đặc thù, bảo tồn mức độ đa dạng sinh học cao.

- Là vùng có tiềm năng phát triển các lĩnh vực: dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng sinh thái, du lịch mạo hiểm, thủy điện, khai thác khoáng sản, nông nghiệp đặc sản, nuôi trồng thủy sản nước lạnh.

- Là vùng dân cư có đời sống văn hóa, dân tộc đa dạng, hướng tới phát triển các cộng đồng làng gắn với nghề thủ công truyền thống có tiềm năng phát triển du lịch.

- Là huyện du lịch tiêu biểu và phát triển bền vững của tỉnh Yên Bái; là một cấu phần năng động, đóng góp hiệu quả cho nền kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Yên Bái; gắn kết chặt chẽ với đảm bảo an ninh quốc phòng.

2.3. Quy mô đất đai

Tổng diện tích vùng quản lý là 120.096 ha. Tổng dân số năm 2020 của vùng quản lý là 65.042 người. Mật độ dân số là 54 người/km².

- Đất xây dựng đô thị đến năm 2030 khoảng 150,0 - 200,0ha, tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 250,0 - 300,0ha.

- Đất xây dựng các điểm dân cư nông thôn đến năm 2030 khoảng 750,0 - 800,0ha, tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 950,0 - 1.050,0ha.

- Đất xây dựng các cụm công nghiệp (thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản, chế biến) đến năm 2030 khoảng 460,0 - 470,0ha, tầm nhìn đến năm 2050 vẫn giữ quy mô ổn định.

- Đất xây dựng các trung tâm văn hóa - thể thao - nghiên cứu đào tạo đến năm 2030 khoảng 110,0 - 130,0ha, tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 160,0 - 180,0ha.

- Đất xây dựng các trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch đến năm 2030 khoảng 1.800,0 - 2.000,0ha, tầm nhìn đến năm 2050 khoảng 2.000,0 - 2.500,0ha.

2.4. Quy mô dân số:

- Năm 2030 quy mô dân số toàn huyện khoảng 90.000 - 92.000 người, dân số đô thị khoảng 20.000 - 22.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 22,0 - 24,0%.

- Năm 2050 quy mô dân số toàn huyện khoảng 125.000 - 127.000 người, dân số đô thị khoảng 31.000 - 36.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 27,0 - 32,0%.

III. Quy định về các phân vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

3.1. Quy định về phân vùng phát triển

a) Tiểu vùng 1: Trung tâm dịch vụ đô thị

- Là vùng động lực chính của huyện Mù Cang Chải, bao gồm thị trấn Mù Cang Chải và xã Kim Nội;

- Tổng diện tích tự nhiên: 39,24 km²;

- Dân số: 5.505 người (hiện trạng 2020), 17.250 người (dự báo đến năm 2030), 27.920 người (tầm nhìn đến năm 2050);

- Trung tâm tiểu vùng: Thị trấn Mù Cang Chải;

- Trung tâm hỗ trợ: trung tâm xã Kim Nội.

TT	Nội dung	Hiện trạng năm 2020	Dự báo đến năm 2030	Tầm nhìn đến năm 2050
1	Tổng diện tích tự nhiên	39,24 km ²		
2	Dân số (người)	5.505	17.250	27.920

b) Tiểu vùng 2: Vùng kinh tế năng lượng – giao thông đổi mới

- Là vùng động lực phía Tây Bắc của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Hồ Bốn, xã Lao Chải, xã Khao Mang;

- Tổng diện tích tự nhiên: 278,05 km²;

- Dân số: 17.219 người (hiện trạng 2020), 20.650 người (dự báo đến năm 2030), 28.320 người (tầm nhìn đến năm 2050);

- Trung tâm tiểu vùng: đô thị Khao Mang;

- Trung tâm hỗ trợ: trung tâm xã Lao Chải.

TT	Nội dung	Hiện trạng năm 2020	Dự báo đến năm 2030	Tầm nhìn đến năm 2050
1	Tổng diện tích tự nhiên	278,05 km ²		
2	Dân số (người)	17.219	20.650	28.320

c) Tiểu vùng 3: Vùng bảo tồn đa dạng sinh học và dự trữ sinh quyển

- Là vùng động lực phía Tây Nam của huyện Mù Cang Chải, bao gồm toàn bộ xã Chế Tạo;
- Tổng diện tích tự nhiên: 235,38 km²;
- Dân số: 2.386 người (hiện trạng 2020), 2.720 người (dự báo đến năm 2030), 3.540 người (tầm nhìn đến năm 2050);
- Trung tâm tiểu vùng: trung tâm xã Chế Tạo.

TT	Nội dung	Hiện trạng năm 2020	Dự báo đến năm 2030	Tầm nhìn đến năm 2050
1	Tổng diện tích tự nhiên	235,38 km ²		
2	Dân số (người)	2.386	2.720	3.540

d) Tiểu vùng 4: Vùng trọng điểm phát triển du lịch – nghỉ dưỡng tự nhiên

- Là vùng động lực phía Đông Nam của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã La Pán Tản, xã Dế Xu Phình, xã Púng Luông, xã Nậm Khắt, xã Cao Phạ;
- Tổng diện tích tự nhiên: 309,32 km²;
- Dân số: 23.174 người (hiện trạng 2019), 31.250 người (dự báo đến năm 2030), 41.350 người (tầm nhìn đến năm 2050);
- Trung tâm tiểu vùng: đô thị Nậm Khắt;
- Trung tâm hỗ trợ: đô thị Ngã Ba Kim, trung tâm xã Cao Phạ.

TT	Nội dung	Hiện trạng năm 2020	Dự báo đến năm 2030	Tầm nhìn đến năm 2050
1	Tổng diện tích tự nhiên	309,32 km ²		
2	Dân số (người)	23.174	31.250	41.350

e) Tiểu vùng 5: Vùng kinh tế nông – lâm nghiệp đặc sản

- Là vùng động lực phía Đông Bắc của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Mồ Dề, xã Chế Cu Nha, xã Nậm Có;
- Tổng diện tích tự nhiên: 335,90 km²;
- Dân số: 16.759 người (hiện trạng 2020), 19.120 người (dự báo đến năm 2030), 24.850 người (tầm nhìn đến năm 2050);
- Trung tâm tiểu vùng: trung tâm xã Nậm Có, trung tâm xã Chế Cu Nha;
- Trung tâm hỗ trợ: trung tâm xã Mồ Dề.

TT	Nội dung	Hiện trạng năm 2020	Dự báo đến năm 2030	Tầm nhìn đến năm 2050
1	Tổng diện tích tự nhiên	335,90 km ²		
2	Dân số (người)	16.759	19.120	24.850

3.2. Định hướng phát triển không gian

a) Hướng phát triển

Lấy thị trấn Mù Cang Chải làm trung tâm, không gian vùng huyện Mù Cang Chải sẽ phát triển theo bốn hướng:

- Hướng Đông Nam: là hướng phát triển chủ đạo dựa trên các thế mạnh về thắng cảnh tự nhiên dọc theo Quốc lộ 32; kết nối chuỗi không gian du lịch chiến lược của huyện (đèo Khau Phạ - cửa ngõ của huyện, thung lũng hoa Nậm Khắt, thung lũng Púng Luông, Ngã Ba Kim, khu vực di sản ruộng bậc thang La Pán Tản - Chế Cu Nha - Dế Xu Phình, thị trấn Mù Cang Chải).

- Hướng Tây Bắc: là hướng phát triển thứ cấp tiếp tục lan tỏa động lực theo Quốc lộ 32 qua các xã Khao Mang, Lao Chải, Hồ Bốn với nhiều đặc trưng về địa hình, địa chất và tiềm năng năng lượng; kết nối thị trấn Mù Cang Chải với các tỉnh Sơn La, Lai Châu, Lào Cai và đặc biệt là TX. Sa Pa.

- Hướng Tây Nam: là hướng phát triển phụ kết nối với trung tâm xã Chế Tạo và vành đai bảo tồn sinh vật cảnh Chế Tạo, được định hướng là trục phát triển các dịch vụ sinh thái, bảo tồn và nghiên cứu môi trường.

- Hướng Đông Bắc: là hướng phát triển đột phá trong tương lai, khai thác các động lực phát triển từ tuyến đường nối Mù Cang Chải với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; kết nối thị trấn Mù Cang Chải với thung lũng Nậm Có, mở ra cửa ngõ thứ hai và vùng không gian phát triển mới về phía Đông của huyện, tạo ra tam giác trọng điểm: Thị trấn Mù Cang Chải - Nậm Khắt - Nậm Có.

b) Trục phát triển

Khung hạ tầng giao thông tạo nên cấu trúc không gian vùng huyện Mù Cang Chải bao gồm:

- Trục phát triển chính: Quốc lộ 32 theo hướng Đông - Tây; mang tính chất trục kinh tế - đô thị - dịch vụ du lịch;

- Trục hỗ trợ Quốc lộ 32: Nâng cấp, kết nối xuyên suốt dựa trên các tuyến đường liên xã hiện hữu; xuất phát từ đèo Khau Phạ, đi qua La Pán Tản, Ngã Ba Kim, Dế Xu Phình, Lao Chải, kết nối với xã Hồ Bốn; mang tính chất trục hỗ trợ cho trục phát triển chính trong các tình huống khẩn cấp;

- Trục sinh thái: đường nối trung tâm xã Kim Nội với trung tâm xã Chế Tạo, đi qua khu bảo tồn sinh cảnh Chế Tạo; gắn với các dịch vụ sinh thái, bảo tồn và nghiên cứu môi trường.

- Trục đối ngoại: Đường nối Mù Cang Chải với cao tốc Nội Bài - Lào Cai; được định hướng là trục tiếp cận mới trong tương lai với thời gian di chuyển được rút ngắn và hạ tầng giao thông đảm bảo, đi qua Khu du lịch thung lũng Tà Cua Y - Lùng Cúng.

- Trục phát triển phụ: ĐT.175B kết nối Ngã Ba Kim, Nậm Khắt đi Sơn La; đường nối QL32 với đường nối Mù Cang Chải - cao tốc Nội Bài - Lào Cai đi qua Nậm Cỏ; đường nối QL32 với Nậm Khắt.

c) Không gian các tiểu vùng

Tiểu vùng 1: Trung tâm dịch vụ đô thị

Là vùng động lực chính của huyện Mù Cang Chải, bao gồm thị trấn Mù Cang Chải và xã Kim Nội. Trong đó, thị trấn Mù Cang Chải là thị trấn huyện lỵ, trung tâm hành chính, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao, và là trung tâm của tiểu vùng 1. Xã Kim Nội là vùng dự trữ phát triển cho các hoạt động mở rộng không gian đô thị và bổ sung tiện ích, dịch vụ trong tương lai.

Là vùng tập trung các hoạt động thương mại dịch vụ đô thị gắn với đón tiếp du lịch; cung cấp các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, giải trí, giao lưu văn hóa, và các tiện ích khác có liên quan dành cho khách du lịch.

Dự án trọng điểm:

- Làng cộng đồng Suối Kim (thị trấn Mù Cang Chải - quy mô 5ha);
- Trung tâm giới thiệu lịch sử tự nhiên - văn hóa Mù Cang Chải (thị trấn Mù Cang Chải - quy mô 10ha);
- Hội chợ truyền thống quảng bá sản phẩm và văn hóa Tây Bắc (thị trấn Mù Cang Chải - tại sân vận động huyện Mù Cang Chải hiện hữu);
- Trung tâm đào tạo nghề và nghiệp vụ du lịch (thị trấn Mù Cang Chải – quy mô 1-2ha).

Tiểu vùng 2: Vùng kinh tế năng lượng

Là vùng động lực phía Tây Bắc của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Hồ Bốn, xã Lao Chải, xã Khao Mang. Trong đó, đô thị Khao Mang là trung tâm tiểu vùng, nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu, mang tính chất đô thị hồ nghỉ dưỡng. Trung tâm xã Hồ Bốn – Lao Chải là trung tâm hỗ trợ của tiểu vùng.

Là vùng tập trung các hoạt động khai thác năng lượng đổi mới (thủy điện, phong điện, điện mặt trời) gắn với thủy lợi và nông nghiệp; trồng, khai thác và chế biến cây lương thực, cây hàng năm, cây lâu năm và dược liệu; chăn nuôi gia súc; nuôi cá lồng trên hồ thủy điện. Ngoài ra, đây còn là nơi cung cấp các dịch vụ liên quan đến dịch vụ du lịch, lưu trú nghỉ dưỡng trên hồ.

Dự án trọng điểm:

- Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật (xã Lao Chải – quy mô 25ha, có khả năng mở rộng lên 75ha);
- Trung tâm nghiên cứu chế biến dược liệu (xã Khao Mang – quy mô 12ha);
- Trung tâm du lịch khinh khí cầu (xã Hồ Bốn – quy mô 9ha).

Tiểu vùng 3: Vùng bảo tồn đa dạng sinh học và dự trữ sinh quyển

Là vùng động lực phía Tây Nam của huyện Mường Chải, bao gồm toàn bộ xã Chế Tạo. Trung tâm được kiểm soát ở quy mô nhỏ với tầm nhìn đến năm 2050, là trung tâm dịch vụ hỗ trợ cho Khu bảo tồn sinh cảnh Chế Tạo của tiểu vùng 3.

Là vùng tập trung các hoạt động trồng, khai thác cây lương thực, thảo quả; chăn nuôi dê. Ngoài ra, đây còn là nơi cung cấp các dịch vụ liên quan đến bảo tồn và nghiên cứu về môi trường, sinh vật, du lịch thám hiểm rừng có trách nhiệm: trekking, đạp xe xuyên rừng, trượt zipline, v.v.

Dự án chiến lược:

- Trung tâm quan trắc – nghiên cứu khí hậu và cảnh báo thiên tai (xã Chế Tạo - quy mô 25ha, có khả năng mở rộng lên 50ha);

Tiểu vùng 4: Vùng trọng điểm phát triển du lịch mạo hiểm-nghỉ dưỡng tự nhiên

Là vùng động lực phía Đông Nam của huyện Mường Chải, bao gồm xã La Pán Tẩn, xã Dế Xu Phình, xã Púng Luông, xã Nậm Khắt, xã Cao Phạ. Trong đó, đô thị Nậm Khắt là trung tâm tiểu vùng, nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu. Đô thị Ngã Ba Kim là trung tâm thương mại – dịch vụ liên xã quan trọng. Trung tâm xã Khau Phạ là trung tâm hỗ trợ của tiểu vùng.

Là vùng tập trung các hoạt động liên quan đến sản xuất hoa (hoa tươi, chế phẩm, hương dược liệu từ hoa, tham quan trải nghiệm v.v.); trồng, khai thác và chế biến các loại cây đặc sản (dược liệu, sơn tra, thảo quả v.v.); trồng, khai thác và chế biến các loại cây lương thực, cây hàng năm khác, cây lâu năm; chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò v.v.), heo tộc, gà đen, ong mật; nuôi trồng thủy sản nước lạnh (cá tầm, cá hồi v.v.); dự trữ tài nguyên khoáng sản (chì, kẽm, sắt, thạch anh v.v.) cho các ngành sản xuất công nghệ cao trong tương lai.

Là vùng trọng điểm về phát triển du lịch của huyện, tập trung đa dạng các loại hình tham quan du lịch: Làng tự nhiên Chế Cu Nha, La Pán Tân, Dế Xu Phình - điểm đến nghỉ dưỡng cho gia đình vào cuối tuần; du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng – trị liệu gắn với làng an dưỡng/ thiền Làng Sang – Nậm Khắt; địa điểm lịch sử: điểm tưởng niệm đội du kích Khau Phạ; các thắng cảnh: đèo Khau Phạ, rừng trúc Púng Luông, đồi mâm xôi La Pán Tân, sông núi hùng long Dế Xu Phình v.v.

Dự án chiến lược:

- Trung tâm huấn luyện thể thao địa hình và vui chơi giải trí – nghỉ dưỡng (xã Púng Luông – quy mô 30ha);
- Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao mạo hiểm Việt Nam (xã Cao Phạ - quy mô 25ha, khả năng mở rộng đến 50ha);
- Trung tâm dịch vụ vận tải - hậu cần du lịch trực thăng Nậm Khắt (xã Nậm Khắt – quy mô 10ha);
- Trung tâm y tế và nghiên cứu trị liệu cấp huyện (xã Nậm Khắt – quy mô 2-3ha);
- Khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng - trị liệu Làng Sang - Nậm Khắt (xã Nậm Khắt – quy mô 50ha, khả năng mở rộng đến 100ha).

Tiểu vùng 5: Vùng kinh tế nông – lâm nghiệp đặc sản

Là vùng động lực phía Đông Bắc trong tương lai của huyện Mù Cang Chải, bao gồm xã Mồ Dề, xã Chế Cu Nha, xã Nậm Có, với trục đường nối Quốc lộ 32 với Cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15) cùng với trung tâm các xã Nậm Có, Chế Cu Nha tạo thành hệ thống động lực hỗ trợ sự phát triển của tiểu vùng. Trong đó, trung tâm xã Nậm Có là trung tâm dịch vụ phục vụ nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch trải nghiệm thiên nhiên dưới tán rừng; trung tâm xã Chế Cu Nha là trung tâm hỗ trợ dịch vụ du lịch thiên nhiên, du lịch trải nghiệm dưới tán rừng của tiểu vùng 5. Trung tâm xã Mồ Dề là trung tâm hỗ trợ của tiểu vùng.

Là vùng cung cấp các dịch vụ liên quan đến du lịch thiên nhiên kết hợp trải nghiệm nông nghiệp (trồng lúa, lâm sản, dược liệu v.v.); du lịch dưới tán rừng. Ngoài ra, đây còn là vùng tập trung các hoạt động trồng cây đặc sản (dược liệu, sơn tra, thảo quả v.v.); trồng lương thực đặc sản (gạo Sếng Cù, Nếp Tan v.v.); chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, dê v.v.); dự trữ tài nguyên khoáng sản (chì, kẽm, sắt, thạch anh v.v.) cho các ngành sản xuất công nghệ cao trong tương lai.

Dự án chiến lược:

- Trung tâm chế biến nông lâm sản gắn với nghiên cứu phát triển nông – lâm – ngư nghiệp vùng cao (xã Nậm Có – quy mô 45ha);
- Trung tâm du lịch khinh khí cầu (xã Nậm Có – quy mô 9ha).

3.3. Các không gian phát triển đặc thù

a) Vùng khuyến khích phát triển đô thị

Bao gồm các quỹ đất thuận lợi về địa hình và ít chịu tác động bởi thiên tai thuộc 04 thung lũng lớn: Kim Nọi, Nậm Khắt, Nậm Có, Púng Luông. Ngoài ra, đồ án còn xác định các vùng khuyến khích phát triển đô thị dọc theo tuyến đường động lực nối với nút giao IC15 (khu vực thung lũng Tà Cua Y, dư địa xung quanh các làng bản).

Thúc đẩy hoạt động phát triển dân cư và sản xuất ổn định tại các khu vực này, nhằm hình thành các trọng điểm phát triển đô thị đầy đủ tiện ích và có bản sắc.

Tăng cường đầu tư hoàn thiện hạ tầng và hệ thống công trình công cộng, củng cố mạng lưới kết nối với các bản làng nông thôn.

b) Vùng khuyến khích phát triển làng bản cộng đồng dân tộc

Bao gồm bản làng các dân tộc trên địa bàn huyện có vị trí thuận lợi để phát triển (bản Thái Kim Nọi, bản Lìm Thái, bản Chế Cu Nha, bản Dế Xu Phình, bản La Pán Tản, bản Chế Tạo v.v.).

Chuyển dịch cơ cấu lao động từ sản xuất nông nghiệp sang dịch vụ du lịch, thương mại.

Tạo cơ hội trao đổi, giao lưu văn hóa giữa du khách với cộng đồng, giúp người dân nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Tăng cường đầu tư hạ tầng và các tiện ích phục vụ cho du lịch.

c) Vùng khuyến khích phát triển làng nghề truyền thống

Bao gồm các làng nghề truyền thống hiện hữu và các khu vực lân cận (làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm, thêu trang phục dân tộc Mông xã Chế Cu Nha; làng nghề nấu rượu thóc xã La Pán Tản, làng nghề rèn đúc xã Mồ Dề, làng nghề chế tác khèn Mông xã La Pán Tản v.v.)

Lưu giữ, phát triển các ngành nghề, sản phẩm có nguy cơ bị mai một.

Tích cực củng cố, đổi mới, nâng cao chất lượng đồng thời quảng bá sản phẩm.

Tu sửa cơ sở vật chất, trang trí khu trưng bày sản phẩm làm điểm tham quan cho du khách.

IV. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

4.1. Quản lý hệ thống đô thị

Huyện Mù Cang Chải tới 2030, tầm nhìn 2050 hình thành hệ thống đô thị gồm 01 đô thị loại IV và 03 đô thị loại V.

(1) Trị trấn Mù Cang Chải

Thị trấn Mù Cang Chải là trung tâm huyện lỵ: hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng,... của huyện Mù Cang Chải; là trung tâm của tiểu vùng 1 (Trung tâm dịch vụ - đô thị).

Không gian đô thị của thị trấn Mù Cang Chải dự kiến phát triển mở rộng về phía xã Kim Nội, khai thác lợi thế cảnh quan của thung lũng Kim Nội và suối Nậm Kim. Phát triển thị trấn Mù Cang Chải trở thành trung tâm vùng, đồng thời là đô thị vệ tinh của thành phố Yên Bái với trọng tâm là dịch vụ, du lịch và quảng bá văn hoá.

Các quy định quản lý phát triển như sau:

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Là trung tâm huyện lỵ: hành chính, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng,... của huyện Mù Cang Chải; là trung tâm của tiểu vùng 1 (Trung tâm dịch vụ - đô thị); là đô thị vệ tinh của thành phố Yên Bái.
Loại đô thị	Đô thị loại IV, đô thị trực thuộc huyện.
Quy mô	- Quy mô dân số đến năm 2030: 15.000 người. - Quy mô dân số đến năm 2050: 25.000 người. - Diện tích xây dựng đô thị: 127,5ha (năm 2030), 212,5ha (năm 2050).
Định hướng chính	- Phát triển trung tâm hành chính huyện khang trang, hấp dẫn và giàu bản sắc. Từng bước xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị (hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật) theo hướng hiện đại. - Phát triển các trung tâm văn hóa, nghệ thuật tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc vùng; Cung ứng các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, giải trí, giao lưu văn hóa, và các tiện ích khác có liên quan dành cho khách du lịch trong khu vực huyện và các huyện lân cận. - Thúc đẩy thương hiệu Làng cộng đồng Suối Kim trở thành không gian gặp gỡ giao lưu văn hóa - ẩm thực đa dân tộc/ đa quốc gia. Cần bảo tồn cảnh quan đồng lúa và dòng suối Nậm Kim, cũng như cấu trúc làng bản và đặc trưng kiến trúc, ẩm thực, lối sống, nghề nghiệp của người dân tộc Thái. Phát triển du lịch cộng đồng (homestay) trên nguyên tắc tạo ra động lực để cộng đồng địa phương tự nâng cao sinh kế, không làm biến đổi các giá trị bản sắc văn hóa - tự nhiên nền tảng. - Xây dựng Trung tâm giới thiệu lịch sử tự nhiên - văn hóa Mù Cang Chải mang ý nghĩa một trung tâm văn hóa cấp vùng gắn với công nghệ số hóa, trải nghiệm tham quan số và quảng bá thương hiệu lãnh thổ đa phương tiện. Không gian bảo tàng cần gắn với trung tâm lưu trữ dữ liệu, nghiên

Hạng mục	Quy định quản lý
	<p>cứu và chuyển đổi số nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và vận hành khai thác đô thị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Hội chợ truyền thống quảng bá sản phẩm và văn hóa Tây Bắc theo hình thức chợ phiên hoặc chợ đêm vào cuối tuần hoặc ngày lễ, tạo ra không gian giao lưu văn hóa, giới thiệu và quảng bá các đặc trưng địa phương (đặc sản ẩm thực, hàng thủ công, trang phục, âm nhạc, lễ hội v.v.). Thúc đẩy kinh tế về đêm và đa dạng hóa hoạt động công cộng cho khu vực trung tâm thị trấn. - Xây dựng Trung tâm đào tạo nghề và nghiệp vụ du lịch nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ, đáp ứng cho nhu cầu phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ du lịch trong tương lai.
Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính	<ul style="list-style-type: none"> - Đất dân dụng đô thị: > 80,0m²/người. - Các chỉ tiêu HTKT tuân thủ QCXĐ Việt Nam
Hạ tầng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, kiểm soát về kiến trúc đối với các khu ở hiện trạng theo quy hoạch và thiết kế đô thị; chỉnh trang, bổ sung đầy đủ các công trình trường học, y tế, văn hoá, vườn hoa cây xanh theo tiêu chuẩn quốc gia. - Đầu tư đầy đủ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh đối với các khu đô thị xây dựng mới. - Phát triển các loại hình nhà ở phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu, cảnh quan đô thị và đặc thù dân cư từng khu vực. - Kiểm soát về vị trí, quy mô, chất lượng và bán kính phục vụ của các công trình hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ theo đặc điểm phân bố dân cư và chức năng đô thị. - Các công trình hạ tầng xã hội cấp tiểu vùng được quản lý về số lượng, phân bố, vị trí, quy mô, chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. - Không gian xanh đệm giữa các khu chức năng được khai thác phục vụ các mục đích vui chơi, giải trí, dịch vụ du lịch.- Hệ thống mặt nước tự nhiên được cải tạo, tổ chức kết hợp với cây xanh công viên tạo thành các không gian mở, thu hút các hoạt động giao lưu, giải trí.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo hành lang xây dựng và hành lang an toàn, bảo vệ tuyến đường cao tốc, quốc lộ, theo quy định của Luật giao thông đường bộ và Luật đường sắt. - Xây dựng các tuyến đường gom cao tốc, quốc lộ và các nút giao thông

Hạng mục	Quy định quản lý
	<p>khác mức.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị, tạo hệ thống hạ tầng khung cho phát triển đô thị, ... - Hạn chế san nền, đào đắp phá vỡ địa hình tự nhiên. - Xây dựng hệ thống đê bao bảo vệ đô thị. - Các suối lấy nước cấp cho sinh hoạt cần khoanh vùng bảo vệ tránh ô nhiễm nguồn nước; - Hệ thống thoát nước mưa, nước thải: Trong các khu phố cũ cần cải tạo thành hệ thống nửa riêng. Tại các cửa xả ra sông, hồ có hệ thống cống bao dẫn nước bản về trạm xử lý tập trung. Các khu mới: riêng hoàn toàn. Xử lý nước thải tại các trạm làm sạch nước thải. - Hệ thống trung áp xây mới trong đô thị bắt buộc đi ngầm, bán kính trạm hạ áp không quá 300m. - Xử lý chất thải rắn tập trung tại xã Púng Luông và Nậm Khắt - Kiểm soát ô nhiễm nước, không khí. - Bảo vệ cảnh quan sinh thái, xây dựng HTKT bảo vệ môi trường cho khu vực ven suối Nậm Kim, Nậm Khắt, Nậm Mặn, Phình Hồ...
Được phép, khuyến khích	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích phát triển các công trình mang đặc trưng kiến trúc bản địa, sinh thái, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. - Khuyến khích phát triển các dự án gắn với du lịch sinh thái và văn hóa, các hoạt động hỗ trợ cho du lịch. - Thúc đẩy các sự kiện quảng bá trong nước lẫn quốc tế về thương hiệu di sản ruộng bậc thang bằng nhiều hình thức: lễ hội dân gian, triển lãm nghệ thuật, lễ hội dù lượn, quảng cáo trực tuyến, tham quan thực tế ảo v.v. - Cho phép phát triển có điều kiện các cơ sở sản xuất TTCN, làng nghề gắn với dịch vụ du lịch.
Không được phép	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế tối đa phát triển các khu nhà ở trong hành lang thoát lũ, hành lang cách ly bảo vệ các tuyến đường và các khu vực có rủi ro thiên tai cao. - Kiểm soát triệt để các hoạt động tác động tiêu cực đến môi trường du lịch tại địa phương. - Kiểm soát triệt để các dự án sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm tới môi trường.

(2) Đô thị Ngã Ba Kim

Đô thị Ngã Ba Kim là trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch liên xã (La Pán Tản – Dế Xu Phình – Púng Luông) quan trọng của huyện Mù Cang Chải; một trong ba trọng điểm phát triển của tiểu vùng 4 (Vùng trọng điểm phát triển du lịch mạo hiểm – nghỉ dưỡng tự nhiên).

Các quy định quản lý phát triển như sau:

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Là trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch liên xã (La Pán Tản – Dế Xu Phình – Púng Luông) quan trọng của huyện Mù Cang Chải; một trong ba trọng điểm phát triển của tiểu vùng 4 (Vùng trọng điểm phát triển du lịch mạo hiểm – nghỉ dưỡng tự nhiên).
Loại đô thị	Đô thị loại V, đô thị trực thuộc huyện.
Quy mô	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô dân số đến năm 2030: 2.800 người. - Quy mô dân số đến năm 2050: 3.000 người. - Diện tích xây dựng đô thị: 23,8ha (năm 2030), 25,5ha (năm 2050).
Định hướng chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển đô thị khang trang, hấp dẫn và giàu bản sắc. Từng bước xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị (hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật) theo hướng hiện đại. - Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã hội phục vụ dân cư tiểu vùng. - Phát triển nhà ở mật độ trung bình và thấp, phù hợp với cảnh quan và môi trường tự nhiên. - Xây dựng đô thị hài hòa với đặc điểm địa hình tự nhiên, có hệ thống giao thông kết nối hài hòa giữa khu phát triển mới và các làng bản hiện hữu. - Bảo tồn, duy trì và khuyến khích mở rộng không gian rừng, bảo vệ nghiêm ngặt các khu vực rừng phòng hộ, đặc biệt là các khu vực núi cao.
Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính	<ul style="list-style-type: none"> - Đất dân dụng đô thị: > 80,0m²/người. - Các chỉ tiêu HTKT tuân thủ QCXĐ Việt Nam
Hạ tầng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, kiểm soát về kiến trúc đối với các khu ở hiện trạng theo quy hoạch và thiết kế đô thị; chỉnh trang, bổ sung đầy đủ các công trình trường học, y tế, văn hoá, vườn hoa cây xanh theo tiêu chuẩn quốc gia. - Đầu tư đầy đủ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh đối với các khu đô thị xây dựng mới. - Phát triển các loại hình nhà ở phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu,

Hạng mục	Quy định quản lý
	<p>cảnh quan đô thị và đặc thù dân cư từng khu vực.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát về vị trí, quy mô, chất lượng và bán kính phục vụ của các công trình hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ theo đặc điểm phân bố dân cư và chức năng đô thị. - Các công trình hạ tầng xã hội cấp tiểu vùng được quản lý về số lượng, phân bố, vị trí, quy mô, chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. - Không gian xanh đệm giữa các khu chức năng được khai thác phục vụ các mục đích vui chơi, giải trí, dịch vụ du lịch.- Hệ thống mặt nước tự nhiên được cải tạo, tổ chức kết hợp với cây xanh công viên tạo thành các không gian mở, thu hút các hoạt động giao lưu, giải trí.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị, tạo hệ thống hạ tầng khung cho phát triển đô thị. - Hạn chế san nền, đào đắp phá vỡ địa hình tự nhiên. - Các suối lấy nước cấp cho sinh hoạt cần khoanh vùng bảo vệ tránh ô nhiễm nguồn nước; - Hệ thống thoát nước mưa, nước thải: riêng hoàn toàn hệ thống thoát nước mưa và nước thải. Xử lý nước thải tại các trạm làm sạch nước thải. cụm CN phải xây dựng trạm xử lý nước thải độc lập. - Hệ thống trung áp xây mới trong đô thị bắt buộc đi ngầm, bán kính trạm hạ áp không quá 300m. - Xử lý chất thải rắn tập trung của xã - Kiểm soát ô nhiễm nước, không khí tại CCN, khu xử lý rác.
Được phép, khuyến khích	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích phát triển các công trình mang đặc trưng kiến trúc bản địa, sinh thái, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. - Khuyến khích phát triển các dự án gắn với du lịch sinh thái và văn hóa, các hoạt động hỗ trợ cho du lịch. - Cho phép phát triển có điều kiện các cơ sở sản xuất TTCN, làng nghề gắn với dịch vụ du lịch.
Không được phép	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế tối đa phát triển các khu nhà ở trong hành lang thoát lũ, hành lang cách ly bảo vệ các tuyến đường và các khu vực có rủi ro thiên tai cao. - Kiểm soát triệt để các hoạt động tác động tiêu cực đến môi trường du lịch tại địa phương. - Kiểm soát triệt để các dự án sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm tới môi

Hạng mục	Quy định quản lý
	trường.

(3) Đô thị Khao Mang

Đô thị Khao Mang là trung tâm tiểu vùng 2 (Vùng kinh tế năng lượng - vùng động lực phía Tây Bắc của huyện Mường Chải); mang tính chất đô thị hồ nghỉ dưỡng, là nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu.

Các quy định quản lý phát triển như sau:

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Là trung tâm tiểu vùng 2 (Vùng kinh tế năng lượng - vùng động lực phía Tây Bắc của huyện Mường Chải); mang tính chất đô thị hồ nghỉ dưỡng, là nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu.
Loại đô thị	Đô thị loại V, đô thị trực thuộc huyện.
Quy mô	- Quy mô dân số đến năm 2030: 1.000 người. - Quy mô dân số đến năm 2050: 2.800 người. - Diện tích xây dựng đô thị: 8,5ha (năm 2030), 23,8ha (năm 2050).
Định hướng chính	- Phát triển đô thị khang trang, hấp dẫn và giàu bản sắc. Từng bước xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị (hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật) theo hướng hiện đại. - Phát triển Trung tâm nghiên cứu chế biến dược liệu nằm trên trục đường QL.32 trở thành điểm nghiên cứu và chế biến dược liệu, hỗ trợ cho các dịch vụ nghỉ dưỡng, ẩm thực trị liệu của đô thị hồ Khao Mang. - Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã hội phục vụ dân cư tiểu vùng. - Phát triển nhà ở mật độ trung bình và thấp, phù hợp với cảnh quan và môi trường tự nhiên. - Xây dựng đô thị hài hòa với đặc điểm địa hình tự nhiên, có hệ thống giao thông kết nối hài hòa giữa khu phát triển mới và các làng bản hiện hữu. - Bảo tồn, duy trì và khuyến khích mở rộng không gian rừng, bảo vệ nghiêm ngặt các khu vực rừng phòng hộ, đặc biệt là các khu vực núi cao.
Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính	- Đất dân dụng đô thị: >80m ² /người. - Các chỉ tiêu HTKT tuân thủ QCXD Việt Nam
Hạ tầng xã hội	- Cải tạo, kiểm soát về kiến trúc đối với các khu ở hiện trạng theo quy hoạch và thiết kế đô thị; chỉnh trang, bổ sung đầy đủ các công trình trường

Hạng mục	Quy định quản lý
	<p>học, y tế, văn hoá, vườn hoa cây xanh theo tiêu chuẩn quốc gia.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư đầy đủ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh đối với các khu đô thị xây dựng mới. - Phát triển các loại hình nhà ở phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu, cảnh quan đô thị và đặc thù dân cư từng khu vực. - Kiểm soát về vị trí, quy mô, chất lượng và bán kính phục vụ của các công trình hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ theo đặc điểm phân bố dân cư và chức năng đô thị. - Các công trình hạ tầng xã hội cấp tiểu vùng được quản lý về số lượng, phân bố, vị trí, quy mô, chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. - Không gian xanh đệm giữa các khu chức năng được khai thác phục vụ các mục đích vui chơi, giải trí, dịch vụ du lịch.- Hệ thống mặt nước tự nhiên được cải tạo, tổ chức kết hợp với cây xanh công viên tạo thành các không gian mở, thu hút các hoạt động giao lưu, giải trí.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị, tạo hệ thống hạ tầng khung cho phát triển đô thị. - Hạn chế san nền, đào đắp phá vỡ địa hình tự nhiên. - Các suối lấy nước cấp cho sinh hoạt cần khoanh vùng bảo vệ tránh ô nhiễm nguồn nước; - Hệ thống thoát nước mưa tại các khu mới: riêng hoàn toàn. Xử lý nước thải tại các trạm làm sạch nước thải. - Hệ thống trung áp xây mới trong đô thị bắt buộc đi ngầm, bán kính trạm hạ áp không quá 300m. - Xử lý chất thải rắn tập trung tại xã
Được phép, khuyến khích	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích phát triển các công trình mang đặc trưng kiến trúc bản địa, sinh thái, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. - Khuyến khích phát triển các dự án gắn với du lịch sinh thái và văn hóa, các hoạt động hỗ trợ cho du lịch. - Cho phép phát triển có điều kiện các cơ sở sản xuất TTCN, làng nghề gắn với dịch vụ du lịch.
Không được phép	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế tối đa phát triển các khu nhà ở trong hành lang thoát lũ, hành lang cách ly bảo vệ các tuyến đường và các khu vực có rủi ro thiên tai cao. - Kiểm soát triệt để các hoạt động tác động tiêu cực đến môi trường du lịch

Hạng mục	Quy định quản lý
	tại địa phương. - Kiểm soát triệt để các dự án sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm tới môi trường.

(4) Đô thị Nậm Khắt

Đô thị Nậm Khắt là trung tâm của tiểu vùng 4 (Vùng trọng điểm phát triển du lịch – nghỉ dưỡng tự nhiên - vùng động lực phía Đông Nam của huyện Mù Cang Chải); nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu.

Các quy định quản lý phát triển như sau:

Hạng mục	Quy định quản lý
Tính chất, chức năng	Đô thị Nậm Khắt là trung tâm của tiểu vùng 4 (Vùng trọng điểm phát triển du lịch – nghỉ dưỡng tự nhiên - vùng động lực phía Đông Nam của huyện Mù Cang Chải); nơi tập trung các dịch vụ công cộng và tiện ích đô thị thiết yếu.
Loại đô thị	Đô thị loại V, đô thị trực thuộc huyện.
Quy mô	- Quy mô dân số đến năm 2030: 2.000 người - Quy mô dân số đến năm 2050: 4.000 người. - Diện tích xây dựng đô thị: 17,0ha (năm 2030), 34,0ha (năm 2050).
Định hướng chính	- Phát triển đô thị khang trang, hấp dẫn và giàu bản sắc. Từng bước xây dựng, cải tạo hệ thống hạ tầng đô thị (hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật) theo hướng hiện đại. - Xây dựng Trung tâm dịch vụ vận tải - hậu cần du lịch trực thăng Nậm Khắt nhằm đẩy mạnh kết nối du lịch vùng với các tỉnh Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La v.v. trong bán kính 01 giờ bay. Sân bay trực thăng sẽ là động lực thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động thương mại dịch vụ của khu vực đô thị Nậm Khắt. - Xây dựng Trung tâm y tế và nghiên cứu trị liệu cấp huyện nhằm đáp ứng nhu cầu cấp cứu, điều trị cho các đối tượng khách du lịch trong nước và quốc tế. Trung tâm y tế đồng thời sẽ thúc đẩy các lĩnh vực nghiên cứu phát triển liên quan đến chăm sóc sức khỏe và trị liệu bằng phương pháp tự nhiên hoặc y học cổ truyền, hỗ trợ cho các dịch vụ du lịch thuộc tiểu vùng này. - Xây dựng Khu du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng - trị liệu Làng Sang - Nậm Khắt trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn phía Đông Nam của huyện,

Hạng mục	Quy định quản lý
	<p>khai thác tiềm năng về khoáng nóng và dược liệu từ các vùng nông nghiệp kế cận để phát triển các loại hình nghỉ dưỡng gắn với trị liệu, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe, thiền định v.v.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo nâng cấp, xây dựng mới hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng xã hội phục vụ dân cư tiểu vùng. - Phát triển nhà ở mật độ trung bình và thấp, phù hợp với cảnh quan và môi trường tự nhiên. - Xây dựng đô thị hài hòa với đặc điểm địa hình tự nhiên, có hệ thống giao thông kết nối hài hòa giữa khu phát triển mới và các làng bản hiện hữu. - Bảo tồn, duy trì và khuyến khích mở rộng không gian rừng, bảo vệ nghiêm ngặt các khu vực rừng phòng hộ, đặc biệt là các khu vực núi cao.
Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính	<ul style="list-style-type: none"> - Đất dân dụng đô thị: >80m²/người. - Các chỉ tiêu HTKT tuân thủ QCXĐ Việt Nam
Hạ tầng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Cải tạo, kiểm soát về kiến trúc đối với các khu ở hiện trạng theo quy hoạch và thiết kế đô thị; chỉnh trang, bổ sung đầy đủ các công trình trường học, y tế, văn hoá, vườn hoa cây xanh theo tiêu chuẩn quốc gia. - Đầu tư đầy đủ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, cây xanh đối với các khu đô thị xây dựng mới. - Phát triển các loại hình nhà ở phù hợp với đặc điểm địa hình, khí hậu, cảnh quan đô thị và đặc thù dân cư từng khu vực. - Kiểm soát về vị trí, quy mô, chất lượng và bán kính phục vụ của các công trình hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ theo đặc điểm phân bố dân cư và chức năng đô thị. - Các công trình hạ tầng xã hội cấp tiểu vùng được quản lý về số lượng, phân bố, vị trí, quy mô, chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. - Không gian xanh đệm giữa các khu chức năng được khai thác phục vụ các mục đích vui chơi, giải trí, dịch vụ du lịch.- Hệ thống mặt nước tự nhiên được cải tạo, tổ chức kết hợp với cây xanh công viên tạo thành các không gian mở, thu hút các hoạt động giao lưu, giải trí.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng các tuyến đường trục chính đô thị, tạo hệ thống hạ tầng khung cho phát triển đô thị. - Hạn chế san nền, đào đắp phá vỡ địa hình tự nhiên.

Hạng mục	Quy định quản lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Các suối lấy nước cấp cho sinh hoạt cần khoanh vùng bảo vệ tránh ô nhiễm nguồn nước; - Hệ thống thoát nước mưa tại các khu mới: riêng hoàn toàn. Xử lý nước thải tại các trạm làm sạch nước thải. - Hệ thống trung áp xây mới trong đô thị bắt buộc đi ngầm, bán kính trạm hạ áp không quá 300m. - Xử lý chất thải rắn tập trung tại xã
Được phép, khuyến khích	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích phát triển các công trình mang đặc trưng kiến trúc bản địa, sinh thái, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường. - Khuyến khích phát triển các dự án gắn với du lịch sinh thái và văn hóa, các hoạt động hỗ trợ cho du lịch. - Cho phép phát triển có điều kiện các cơ sở sản xuất TTCN, làng nghề gắn với dịch vụ du lịch.
Không được phép	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế tối đa phát triển các khu nhà ở trong hành lang thoát lũ, hành lang cách ly bảo vệ các tuyến đường và các khu vực có rủi ro thiên tai cao. - Kiểm soát triệt để các hoạt động tác động tiêu cực đến môi trường du lịch tại địa phương. - Kiểm soát triệt để các dự án sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm tới môi trường.

4.2. Quy định về quản lý nông thôn

Hệ thống các điểm dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở các định hướng về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế toàn tỉnh cũng như hiện trạng phân bố dân cư. Địa điểm xây dựng các khu dân cư nông thôn phải hạn chế tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu, thuận tiện trong kết nối giao thông, phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất, đáp ứng yêu cầu theo các tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1221/2016/UBTVQH13 về diện tích, quy mô dân số phù hợp với đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội cụ thể của từng xã trên địa bàn huyện.

Cần phân bổ nguồn lực để nâng cao chất lượng sống tại các không gian làng bản vùng cao, vùng khó khăn thông qua đầu tư các kết nối hạ tầng thiết yếu, hỗ trợ

xây dựng nhà ở kiên cố, giữ gìn và nâng cao giá trị các hoạt động kinh tế truyền thống (nghề thủ công, trồng trọt, chăn nuôi v.v.).

Đối với các vùng nông thôn, động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là phát triển tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp, xây dựng các trung tâm xã, các điểm dân cư nông thôn để khai thác tiềm năng sẵn có, tạo động lực mới làm điểm tựa phát triển kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới kiểu mẫu có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch, xã hội ổn định, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

Đẩy mạnh giáo dục và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó chú trọng tăng tỉ lệ đào tạo cho lĩnh vực phi nông nghiệp, đặc biệt là nghiệp vụ du lịch.

Các quy định quản lý phát triển như sau:

Hạng mục	Quy định quản lý
Định hướng chính	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển các làng bản theo mô hình nông thôn mới trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất theo mô hình nông thôn mới theo các tiêu chí cụ thể (riêng) của huyện, Tỉnh. - Phát triển hạ tầng kỹ thuật kết nối đồng bộ từ các làng xóm tới các khu vực đô thị và các trung tâm dịch vụ. - Phát triển các trung tâm dịch vụ, hỗ trợ sản xuất liên xã như hợp tác xã, hỗ trợ đào tạo nghề và việc làm, điểm cung cấp dịch vụ - vật tư nông nghiệp, trung tâm thông tin và quảng bá giới thiệu sản phẩm. - Bảo vệ các vùng cảnh quan đặc trưng, di tích tôn giáo tín ngưỡng, lịch sử văn hóa và các không gian có giá trị trong vùng nông thôn. - Khắc phục triệt để các vấn đề gây ô nhiễm môi trường. - Xây dựng các đề án phát triển riêng cho mỗi đối tượng làng xóm để có các quy định quản lý, ứng xử phù hợp. - Kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động phát triển dân cư và dịch vụ du lịch tự phát tại các khu vực cảnh quan trọng điểm. - Kiểm soát nghiêm ngặt không gian rừng và nguồn nước tại các đỉnh núi

Hạng mục	Quy định quản lý
	nhằm hạn chế tối đa các thay đổi thủy văn gây ảnh hưởng đến canh tác ruộng bậc thang.
Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chính	<ul style="list-style-type: none"> - Theo các tiêu chí nông thôn mới và phù hợp với từng khu vực cụ thể trên địa bàn huyện. - Đảm bảo tương đối cân bằng với các khu vực đô thị kế cận.
Hạ tầng xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy chế quản lý phát triển nhà ở nông thôn. Thiết kế mẫu điển hình nhà ở nông thôn theo các khu vực đặc thù. - Đầu tư đồng bộ các cơ sở hạ tầng xã hội thiết yếu. Tại các trung tâm xã hình thành đầy đủ các công trình hạ tầng xã hội, như trường học, trạm y tế, chợ, bưu điện, nhà văn hóa, vv... theo tiêu chuẩn quốc gia. - Tại các trung tâm cụm liên xã phát triển các trường phổ thông trung học, các trung tâm về văn hóa, trung tâm chuyển giao công nghệ, vv... trên cơ sở các quy hoạch chuyên ngành được duyệt.
Hạ tầng kỹ thuật và môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - Phát triển và hiện đại hóa giao thông vận tải nông thôn, cải tạo nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có. - Xây dựng hệ thống hầm chui, cầu vượt tại các giao cắt với đường cao tốc, quốc lộ và đường nông thôn, đảm bảo an toàn giao thông. - Khuyến khích chiếu sáng các khu vực công năng chính, như đường giao thông, điểm dân cư tập trung tại các làng xóm. - Bảo vệ nguồn nước cấp cho khu vực nông thôn khỏi ô nhiễm từ các nguồn thải sinh hoạt, chăn nuôi, sản xuất. - Khu dân cư thôn xóm nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại công trình được thoát chung vào hệ thống nước mưa. Hệ thống thoát nước thải hoạt động theo chế độ tự chảy và giếng tách nước thải tại vị trí miệng xả của hệ thống thoát nước chung để xử lý bằng các phương pháp xử lý tự nhiên (giếng thấm, bãi lọc ngầm, vv...) - CTR có thể tái chế sẽ thu gom di chuyển đến khu xử lý CTR gần nhất trong vùng. Khuyến khích xử lý và tái sử dụng CTR hữu cơ tại nguồn phát sinh (tái chế làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, chôn ủ làm phân bón, biogas...). - Sử dụng các nghĩa trang theo cụm dân cư làng xóm. Khuyến khích sử dụng các nghĩa trang tập trung. - Xử lý triệt để các nguồn ô nhiễm do công nghiệp, sinh hoạt, làng nghề

Hạng mục	Quy định quản lý
	đến môi trường.
Được phép, khuyến khích	<ul style="list-style-type: none"> - Khuyến khích bảo tồn không gian làng bản truyền thống và kiến trúc dân tộc bản địa, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. - Phát triển các mô hình nông thôn tự xử lý các vấn đề môi trường, sử dụng các nguồn năng lượng sạch. - Phát triển các cơ sở công nghiệp, TTCN và làng nghề mới nhưng phải bảo đảm về môi trường và không ảnh hưởng cảnh quan trong khu vực. - Phát triển các dự án dịch vụ công cộng liên xã (khu nhà ở sinh thái, bệnh viện, trường học, khu vui chơi giải trí, dịch vụ thương mại, v.v...).
Không được phép	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế tối đa xây dựng công trình cao tầng. - Kiểm soát triệt để các hoạt động ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường nông thôn. - Kiểm soát triệt để việc phá dỡ các công trình di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo tín ngưỡng có giá trị. - Hạn chế tối đa các hoạt động xây dựng trong các khu vực bảo vệ đê điều, hành lang thoát lũ, hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, vùng sinh thái có giá trị.

V. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

5.1. Các công trình hạ tầng xã hội

a) Đối với hệ thống nhà ở

Đến năm 2030 dân số toàn huyện dự kiến khoảng 90.000 - 92.000 người, chỉ tiêu bình quân diện tích nhà ở phân đầu đến năm 2030 là 25,0 m²/người (đạt chỉ của tiêu quốc gia), trong đó tại khu vực đô thị là 26,0 m²/người, khu vực nông thôn là 24,5 m²/người.

Đến năm 2050, dân số toàn huyện dự kiến khoảng 125.000 – 127.000 người, chỉ tiêu bình quân diện tích nhà ở phân đầu đến năm 2050 là 30 m²/người (đạt mức chỉ tiêu của quốc gia), trong đó tại khu vực đô thị là 31 m²/người, khu vực nông thôn là 29 m²/người.

Phát triển nhà ở mới hiện đại, tiện nghi, hài hòa không gian, theo các dự án đô thị, khu đô thị mới thích ứng với điều kiện địa hình, khí hậu, thủy văn địa phương, đảm bảo môi trường phát triển bền vững, đồng bộ về hạ tầng xã hội cũng như hạ tầng kỹ thuật.

Đề xuất quy chế quản lý kiến trúc, thiết kế mẫu nhà ở điển hình đối với loại nhà dân tự xây để giảm bớt và chấm dứt tình trạng xây dựng lộn xộn.

Phát triển nhà ở xã hội đáp ứng nhu cầu xã hội, đặc biệt là công nhân trong các khu công nghiệp và người thu nhập thấp tại các đô thị.

Phát triển nhà ở tại khu vực nông thôn gắn với mục tiêu chung về xây dựng nông thôn mới; kết hợp hài hòa giữa phát triển nhà ở, khu dân cư mới với chỉnh trang nhà ở và hạ tầng hiện có; giữ gìn bản sắc nhà ở truyền thống của các dân tộc.

b) Đối với hệ thống giáo dục

Mở rộng diện tích đất các trường từ 233.162m² năm 2016 lên 329.200m² vào năm 2030. Đến năm 2030 phấn đấu trên 55% số trường đạt chuẩn cơ sở vật chất; mở rộng hình thức liên kết trong giáo dục - đào tạo, củng cố và mở rộng các trung tâm học tập cộng đồng cấp xã. Cần có sự hỗ trợ, chính sách cho hệ thống lương của giáo viên và trợ cấp cho học sinh, kêu gọi sự tham gia của học sinh và giáo viên trong tiến trình “đưa giáo dục vùng cao tiến lên kịp với vùng thấp”.

Duy trì tốt và mở rộng hoạt động, đầu tư nâng cấp hạ tầng của Trung tâm Dạy nghề Mù Cang Chải, bảo đảm nguồn công nhân có trình độ tay nghề kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Huy động các tổ chức cá nhân hỗ trợ kinh phí xây dựng cơ sở vật chất cho các trường, hạng mục xây dựng cơ bản như sân bê tông, công trình vệ sinh, nhà bếp, hệ thống nước hợp vệ sinh. Cải thiện chất lượng hệ thống trường mầm non ở các bản làng.

Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Chế Tạo.

c) Đối với hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Nâng cấp và mở rộng Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải. Trung tâm y tế huyện và các trạm y tế xã sẽ được bổ sung trang thiết bị nhằm đảm bảo nhu cầu khám chữa bệnh cho mọi đối tượng với chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc tốt hơn. Đến năm 2030, từng bước cải tạo, nâng cấp các trạm y tế xã, phấn đấu 100% các xã đều đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT, ngày 07/11/2014.

Sửa chữa, nâng cấp quy mô Trạm y tế thị trấn, phòng khám ĐKKV Khao Mang. Cải tạo, nâng cấp quy mô các Trạm y tế xã (12 trạm y tế xã và 02 phòng khám đa khoa khu vực). Xây mới 01 Trạm y tế xã (Púng Luông). Tăng cường công tác vệ sinh phòng dịch.

Các cơ sở khám chữa bệnh tư nhân: Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế và tư nhân phát triển các phòng khám, trung tâm tư vấn sức khỏe.

d) Đối với hệ thống văn hoá, thể dục - thể thao

Cải tạo sân vận động cấp huyện xây dựng tại thị trấn Mù Cang Chải, mở rộng quy mô và loại hình thể thao (sân bóng đá, bóng chuyền, bể bơi, nhà thi đấu đa năng v.v.). Chính trang, thiết kế cảnh quan công trình quảng trường huyện. Xây dựng thêm các công trình văn hóa cấp huyện: Trung tâm giới thiệu lịch sử tự nhiên – văn hóa Mù Cang Chải, thư viện, cung văn hóa, cung thiếu nhi v.v. phục vụ cho quảng bá và phát triển du lịch.

Chú trọng tu bổ công trình di tích lịch sử cấp quốc gia: nơi thành lập đội Du kích Khau Phạ.

Nâng cao chất lượng phục vụ, cơ sở hạ tầng, vật chất Làng văn hóa du lịch cộng đồng homestay Kim Nội.

Đầu tư cải thiện hệ thống hạ tầng các công trình văn hóa ở các làng bản thuộc vùng khuyến khích phát triển làng bản truyền thống dân tộc

Tại trung tâm các xã, xây dựng thêm các nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện v.v. Cải tạo, nâng cấp các nhà văn hóa xã hiện trạng.

e) Đối với hệ thống dịch vụ thương mại

Duy trì và nâng cấp các chợ chính của huyện: chợ huyện Mù Cang Chải, chợ Ngã Ba Kim và chợ Khao Mang. Xây dựng thêm chợ chính của huyện tại khu vực trung tâm dịch vụ phục vụ nghiên cứu và sản xuất nông nghiệp Nậm Cỏ. Xây dựng các chợ dân sinh bám theo các khu tập trung dân cư đầu mối tại Púng Luông; xây dựng chợ gia súc xã Cao Phạ v.v. Xây Chợ văn hóa trung tâm huyện để thiết lập hoàn chỉnh hệ thống chợ trên địa bàn huyện, giữ vai trò cung cấp hàng hóa cho hệ thống thương mại khu vực và các xã trong huyện Mù Cang Chải cũng như các xã trong huyện khác của tỉnh.

Xây dựng hệ thống trung tâm thương mại du lịch, các siêu thị nhỏ, cửa hàng tiện lợi tại Púng Luông; giai đoạn 2021 – 2025. Xây dựng thêm 2 trung tâm thương mại du lịch ở Ngã Ba Kim và ở trung tâm thị trấn Mù Cang Chải.

Xây dựng chợ xã ở Ché Tạo, phục vụ các bản làng ở khu vực hẻo lánh, khó tiếp cận.

Ngoài quy hoạch mạng lưới chợ và trung tâm thương mại, dự kiến quy hoạch thêm các cửa hàng kinh doanh xăng dầu (thị trấn Mù Cang Chải, Khao Mang, Cao Phạ và Nậm Khắt, Nậm Cỏ). Đầu tư thêm 2 cơ sở kinh doanh gas tại các xã: Khao

Mang và Hồ Bốn để phục vụ nhu cầu chất đốt cho nhân dân trong khu vực dân thay thế sử dụng củi.

Định hướng đến năm 2030, phát triển hệ thống hạ tầng thương mại dịch vụ đồng bộ với hệ thống các điểm du lịch và kết hợp phát triển du lịch một cách bền vững với phát triển công nghiệp, TTCN truyền thống trên địa bàn huyện.

5.2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ QL.32: Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi. Xây dựng tuyến tránh QL.32 về phía Nam đô thị Mù Cang Chải đạt tiêu chuẩn đường cấp III miền núi.

+ ĐT.175B: Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

+ Xây dựng mới tuyến đường kết nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15) đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi.

+ Đường Ngã Ba Kim - Hồ Bốn: hình thành tuyến hỗ trợ QL32 về phía Nam, hướng tuyến được kết hợp từ các tuyến đường huyện, liên xã hiện trạng, đồng thời xây dựng mới một số đoạn. Tuyến có điểm đầu từ điểm giao với QL32 tại Ngã 3 Kim; tuyến đi tiếp theo hướng Đông Tây trên nền đường huyện Ngã 3 Kim - Dế Xu Phình kéo dài đến Lao Chải, điểm cuối tuyến kết thúc tại điểm giao với đường QL32 tại xã Hồ Bốn.

+ Đường kết nối QL.32, tỉnh Yên Bái với QL.279, tỉnh Lào Cai: Điểm đầu tuyến thuộc xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn, tuyến kết nối với tuyến đường Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC15); điểm cuối tại vị trí giáp ranh giữa xã Chế Cu Nha, huyện Mù Cang Chải và xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai; tuyến qua địa phận tỉnh Yên Bái có chiều dài tuyến khoảng 22 km kết nối với tuyến đường quy hoạch của tỉnh Lào Cai đi QL.279. Quy mô tuyến đạt cấp V miền núi.

- Giao thông nông thôn:

+ Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Yên Bái.

+ Mở thêm các tuyến GTNT ở các khu vực có mật độ giao thông thấp, cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Đến năm 2030 hệ thống đường huyện tối thiểu đạt cấp V miền núi; Đường xã, liên xã tối thiểu đạt cấp

B GTNT. Tỷ lệ kiên cố hóa phân đầu đường huyện đạt 100%; đường xã, thôn bản đạt từ 65-80%.

+ Từng bước phát triển đường thôn bản, đường ra nội đồng để đáp ứng được nhu cầu công nghiệp hóa sản xuất, thu hoạch, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

+ Xây dựng mới các tuyến tạo động lực phát triển kinh tế xã hội kết nối đến các khu vực phát triển du lịch sinh thái. Các tuyến được xây dựng trên cơ sở nâng cấp từ đường hiện trạng kết hợp xây dựng mới một số đoạn tuyến.

- Giao thông đô thị:

+ Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

+ Xây dựng và cải tạo các nút giao thông, trong đó, các nút giao thông chính được lắp đặt đèn tín hiệu điều khiển giao thông.

+ Dành quỹ đất để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình ngầm và trồng cây xanh v.v.

- Công trình phục vụ giao thông:

+ Bến, bãi đỗ xe: chuyển đổi công năng bến xe khách Mù Cang Chải, quy mô thành bãi xe phục vụ du lịch, là điểm trung chuyển giữa phương tiện cá nhân với các phương tiện phụ du lịch chủ yếu. Xây bến xe khách mới tại vị trí nút giao giữa đường nối cao tốc và đường QL 32, tiêu chuẩn bến xe loại 2.

+ Xây dựng các bãi đỗ xe quy mô nhỏ tại các điểm phát triển du lịch dịch vụ

+ Cần ưu tiên bố trí quỹ đất phục vụ các tuyến xe buýt phù hợp với quy hoạch các tuyến xe buýt. Bãi đỗ, gara xe buýt: ưu tiên quỹ đất bố trí gần các điểm đầu cuối các tuyến buýt để giảm tối đa cự ly huy động của tuyến.

+ Bãi trực thăng: Xây dựng các bãi đáp sân bay trực thăng tại các vị trí có giá trị khai thác du lịch đồng thời cứu hộ cứu nạn: đèo Khau Phạ, trung tâm du lịch sinh thái, thám hiểm Chế Tạo, khu du lịch nghỉ dưỡng Nậm Khắt v.v.

+ Cầu vượt suối, kênh: Nâng cấp cải tạo hệ thống cầu trên các tuyến đường giao thông, quy mô cầu vĩnh cửu, khổ cầu phù hợp với cấp đường quy hoạch, có tính thẩm mỹ cao, giải pháp công nghệ tiên tiến, hiện đại.

b) Chuẩn bị kỹ thuật

- Các khu vực cấm và hạn chế xây dựng:

+ Các khu vực trong hành lang thoát lũ và khu vực đệm. Khu đệm (30m) giữa chỉ giới xây dựng và chỉ giới thoát lũ, chỉ khai thác xây dựng đường quản lý quy hoạch kết hợp giao thông ven sông hoặc tạo hành lang xanh.

+ Không xây dựng công trình trong phạm vi hành lang an toàn lưới điện, hành lang an toàn đê điều.

+ Không xây dựng khu vực ven núi đất có khả năng bị lở, trượt, khu vực thường xuyên bị lũ quét. Di dân ra khỏi các khu vực đã bị lũ quét và có nguy cơ bị lũ quét như các khu vực ven sườn núi cao và ven thung lũng suối.

- Giải pháp phòng chống lũ và giảm nhẹ thiên tai:

+ Tăng cường bảo vệ và đẩy mạnh tốc độ trồng mới rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn; Tổ chức quản lý khai thác hợp lý, có hiệu quả lưu vực suối Kim, suối Ngòi Hút.

+ Xây dựng thêm các hồ phía thượng nguồn; cải tạo nâng cấp các hồ đập hiện có.

+ Nạo vét luồng lạch lòng suối, cải tạo hệ thống cầu cống dọc các tuyến đường đảm bảo tiêu thoát lũ nhanh.

- Định hướng thoát nước mưa tại các đô thị:

+ Quy hoạch về cao độ nền xây dựng, đảm bảo phù hợp với đặc điểm tự nhiên, địa hình, khí hậu, thủy văn và tùy theo đặc điểm các khu vực tập trung xây dựng, lựa chọn cao độ nền không chế đảm bảo không bị ngập úng. Giải pháp quy hoạch cao độ nền cần bảo vệ khu vực xây dựng đô thị không ngập lụt bởi mực nước tính toán theo tần suất được quy định tại QCVN 01: 2021, theo từng giai đoạn quy hoạch.

+ Thị trấn Mù Cang Chải được định hướng nâng cấp lên đô thị loại 4 và các khu vực định hướng nâng cấp sẽ trở thành đô thị loại 5, cao độ nền xây dựng cho khu vực dân dụng, các khu chức năng, đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P=10\%$; và khu vực cây xanh $P=20\%$ (QCVN 01-2021).

- Định hướng thoát nước mưa tại các đô thị:

+ Xây dựng và dần hoàn thiện hệ thống thoát nước các đô thị trong huyện từ $60 \div 100\%$ đường giao thông nội thị có cống thoát nước mưa.

+ Trong các khu phố cũ, cải tạo hệ thống thoát nước thành hệ thống nửa riêng; các khu vực xây dựng mới xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

c) Cấp nước

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2025: 6.800 m³/ngđ; đến năm 2030: 12.700 m³/ngđ;

- Cấp nước đô thị: Dự kiến cải tạo, nâng công suất trạm cấp nước Mù Cang Chải giai đoạn 1: 1.500 m³/ngđ, giai đoạn 2: 4.000 m³/ngđ, nguồn nước suối Nậm Mờ; Xây mới trạm cấp nước Ba Kim công suất giai đoạn 1: 150 m³/ngđ, giai đoạn 2: 600 m³/ngđ, nguồn nước suối; Xây mới trạm cấp nước Khao Mang công suất giai đoạn 2: 200 m³/ngđ, nguồn nước suối; Xây mới trạm cấp nước Nậm Khắt công suất giai đoạn 1: 150m³/ngđ giai đoạn 2: 450 m³/ngđ, nguồn nước suối;

- Cấp nước công nghiệp: Khu vực huyện Mù Cang Chải có 02 cụm công nghiệp chế biến lâm sản với tổng diện tích: 40ha nằm gần đô thị Nậm Khắt và Nậm Có. Dự kiến sẽ được cung cấp nước sạch từ 02 đô thị này.

- Cấp nước nông thôn: Xây mới trạm cấp nước Nậm Có công suất giai đoạn 1: 200 m³/ngđ, giai đoạn 2: 400 m³/ngđ, nguồn nước suối. Cấp cho trung tâm xã Nậm Có và Trung tâm chế biến lâm sản Nậm Có; Xây mới trạm cấp nước Chế Tạo công suất giai đoạn 1: 100 m³/ngđ, giai đoạn 2: 200 m³/ngđ, nguồn nước suối; Xây mới trạm cấp nước Hồ Bón công suất giai đoạn 1: 150 m³/ngđ, giai đoạn 2: 300 m³/ngđ, nguồn nước suối;

- Duy trì và cải tạo các công trình cấp nước hợp vệ sinh hiện có đảm bảo cung cấp nước cho các khu dân cư các xã thuộc huyện Mù Cang Chải;

Những cụm dân cư ở xa trung tâm xã, những khu khó khăn về nguồn nước: Lợi dụng thiên nhiên, nguồn nước sẵn có xây dựng các công trình chứa nước như bể nước, hồ, đào giếng...hoặc chứa nước mưa trong các chum vại, lu, bể chứa nước...

d) Cấp điện

Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu đến năm 2030 là 20.617MW, tương đương 22.907MVA. Công suất yêu cầu đến năm 2050 là 38.471 MW, tương đương 42.745 MVA (lấy hệ số Cos ϕ = 0,9).

- Giai đoạn đến 2030 nhu cầu phụ tải toàn huyện khoảng 20.6MW, vẫn có thể sử dụng lưới 35kV hiện có để cung cấp.

- Đến 2050 nhu cầu dự kiến đạt 38.5MW, quy hoạch xây dựng trạm 110kV mới tại thị trấn Mù Cang Chải công suất 2x25MVA.

đ) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đến năm 2030 là 7.500 m³/ngđ, trong đó tại các đô thị đến năm 2030 khoảng 2.500 m³/ngđ;

+ Sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn cho các khu đô thị mới. Tại các khu dân cư thôn xóm nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ tại công

trình được thoát chung vào hệ thống nước mưa. Hệ thống thoát nước thải hoạt động theo chế độ tự chảy.

+ Nước thải đô thị: Mở rộng, nâng công suất trạm xử lý nước thải Mù Cang Chải đến năm 2025: 700 m³/ngày, đến năm 2030: 1.800 m³/ngày; Xây dựng mới trạm xử lý nước thải Ngã Ba Kim đến năm 2025: 100 m³/ngày, đến năm 2030: 300 m³/ngày; Xây dựng mới TXLNT Khao Mang đến năm 2030: 100 m³/ngày; Xây dựng mới TXLNT Nậm Khắt đến năm 2025: 100 m³/ngày, đến năm 2030: 200 m³/ngày;

+ Nước thải công nghiệp: Dự kiến xây dựng 02 trạm xử lý nước thải để thu xử lý đạt quy chuẩn mới được xả ra môi trường.

+ Nước thải khu vực nông thôn: Các khu dân cư sống tập trung theo cụm: Do lượng nước thải ít, tùy theo địa hình mà bố trí hồ sinh học để xử lý nước thải.

+ Các khu dân cư tập trung theo tuyến: Nước thải được xử lý theo từng hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình (như xây dựng bể tự hoại, hầm biogas...) thải ra ruộng, cống thoát nước. Khuyến khích xây dựng hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi và giếng tách nước thải tại vị trí miệng xả của hệ thống thoát nước chung để xử lý bằng các phương pháp xử lý tự nhiên: giếng thấm, bãi lọc ngầm ...

- Quản lý chất thải rắn:

+ Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2030 khoảng 51,53 tấn/ngày, đến năm 2050 khoảng 86,06 tấn/ngày.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phân loại, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn ngay tại nguồn tại khu vực trung tâm thị trấn Mù Cang Chải, nơi có lượng khách du lịch tập trung đông. Tiếp tục sử dụng các bãi chôn lấp CTR hiện có tại xã Púng Luông và xã Nậm Khắt đến hết diện tích. Bãi chất thải rắn tại xã Púng Luông hiện nay được cải tạo, xây dựng thành khu xử lý chất thải đảm bảo hợp vệ sinh tiếp tục được đầu tư, xây dựng để tiếp nhận xử lý CTR sinh hoạt trong thời gian tới. Thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo bãi chôn lấp tập trung cấp huyện tại Khao Mang. Xây dựng bổ sung 01 lò chất thải rắn tại xã Khao Mang (công suất khoảng 15 tấn/ngày); phục vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt Thị trấn Mù Cang Chải, Khao Mang, Hồ Bốn, Chế Cu Nha, Lao Chải, Mồ Dề, Kim Nội, Nậm Khắt, Púng Luông, La Pán Tẩn, Dế Su Phình. Tổng vốn đầu tư dự kiến 9,6 tỷ đồng. Chất thải rắn phát sinh tại xã Nậm Có và Khau Phạ được thu gom, vận chuyển về khu xử lý Gia Hội, huyện Văn Chấn.

+ Chất thải rắn công nghiệp: Các chất thải, phế phẩm có thể tái chế sẽ được tái sử dụng; Các chất thải không độc hại sẽ được xử lý chung với chất thải sinh hoạt. Các chất thải độc hại cần phải xử lý riêng, kí hợp đồng thu gom và xử lý với các đơn vị có giấy phép hoạt động thu gom, xử lý CTR công nghiệp nguy hại.

+ Chất thải rắn y tế: Chất thải rắn y tế sinh hoạt thông thường được thu gom và xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn y tế nguy hại cần được thu gom và đưa đi xử lý bằng lò đốt tại Trung tâm y tế huyện Mù Cang Chải, đảm bảo quy chuẩn môi trường hiện hành.

- Nghĩa trang:

Nhu cầu diện tích đất nghĩa trang huyện Mù Cang Chải giai đoạn năm 2025/ 2030/ 2050 lần lượt tăng thêm 2,74 ha/ 3,98 ha/ 20,57 ha. Tổng diện tích đất nghĩa trang toàn huyện giai đoạn 2021 – 2050 tăng lên 30,9 ha.

Dự kiến xây dựng 1 nghĩa trang tập chung tại xã Khao Mang phục vụ khu vực thị trấn Mù Cang Chải, xã Khao Mang, quy mô dự kiến 6 ha đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng đến năm 2030. Định hướng quy hoạch sử dụng đất huyện Mù Cang Chải giai đoạn 2021-2030: Đến năm 2030: Diện tích đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng là 192,96 ha, tăng 143,57 ha so với năm 2020; trong khi nhu cầu thực tế cần thêm 30,9 ha. Đối với các xã vùng sâu vùng xa, cần có chính sách động viên, hỗ trợ người dân để họ chôn cất tập trung tại các nghĩa địa được quy hoạch nhằm tiết kiệm quỹ đất, hạn chế ô nhiễm môi trường. Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa tăng thêm được lấy từ nhóm đất nông nghiệp. Diện tích tăng thêm để thực hiện 48 công trình, dự án (trong đó có 6 công trình chuyển tiếp từ kỳ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020, 42 công trình, dự án đăng ký mới). Một số công trình như: Nghĩa địa tại các bản xã Púng Luông, xã Nậm Khắt, xã Nậm Có, xã Mô Dề v.v.

VI. Quy định về phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường

6.1. Giao thông

a) Quy định về phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông

- Phạm vi bảo vệ đường bộ:

+ Đối với đường ngoài đô thị: đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến và công trình đường bộ theo qui định của Luật Giao thông đường bộ; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 và Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

+ Đối với đường đô thị: phải tuân thủ đúng chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng của các tuyến theo quy hoạch được duyệt.

- Phạm vi bảo vệ đường thủy: Tuân thủ các quy định của Luật đường thủy nội địa số 23/2004/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông

đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ và Thông tư quy định về quản lý đường thủy nội địa của BGTVT số 15/2016/TT-BGTVT, ngày 30/6/2016.

6.2. Định hướng chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật

a) Cao độ nền:

- Yêu cầu chung: Tận dụng tối đa địa hình và mặt phủ tự nhiên, gìn giữ hệ thống cây xanh hiện có, hạn chế khối lượng - chiều cao đất đắp đất và đảm bảo việc tổ chức hệ thống thoát nước mưa an toàn, phù hợp.

+ Khu vực đã xây dựng các công trình dân dụng, giữ nguyên nền xây dựng hiện trạng. Những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế xây dựng đô thị, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực, đảm bảo tiện nghi đô thị nhưng không làm ảnh hưởng đến thoát nước chung của toàn đô thị.

+ Các khu vực không khai thác xây dựng, giữ nguyên hiện trạng. Tận dụng quỹ đất nông nghiệp còn lại vào mục đích vùng đệm chứa nước tạm thời để điều tiết nước mưa cho các khu dân cư trên địa bàn và các huyện lân cận trong cùng khu vực tiêu.

+ Đô thị (hoặc khu vực) cải tạo: Xác định cao độ khống chế ứng với tần suất chống lũ theo cấp loại đô thị đồng thời phải hài hòa với cao độ nền xây dựng hiện trạng. Cần có giải pháp công trình trong trường hợp không có điều kiện cải tạo nền khu vực; Khu vực thị trấn Mù Cang Chải (đô thị loại 4) cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq + (940,0 \div 944,4)m$. Đô thị Khao Mang (đô thị loại 5) cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq + (945,0 \div 950,0)m$. Đô thị Ngã Ba Kim (đô thị loại 5) cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq + 1200,0m$. Đô thị Nậm Khắt (đô thị loại 5) cao độ nền xây dựng $H_{xd} \geq + 1400,0m$

+ Các điểm dân cư nông thôn: Cao độ khống chế xây dựng trung tâm xã Nậm Có và trung tâm xã Chế Tạo, căn cứ vào mực nước cao nhất trung bình nhiều năm của hệ thống sông suối chảy qua khu vực dân cư. ($H_{xd} \text{ dân dụng} > H_{mn.max.tb \text{ năm}}$. $H_{xd} \text{ công cộng} > H_{mn.max} + 0,3m$).

b) Định hướng thoát nước mưa:

- Yêu cầu: Hệ thống thoát nước mưa phải bảo đảm thoát nước mưa trên toàn lưu vực dự kiến quy hoạch ra các hồ, sông, suối hoặc trực tiêu thủy lợi....; hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn và tự chảy.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn thiện cho thị trấn Mù Cang Chải; Tại khu vực nông thôn giai đoạn đầu xây dựng hệ thống thoát chung cho cụm dân cư Trung tâm xã, thông qua quá trình lập quy hoạch nông thôn mới đã triển

khai; Giai đoạn dài hạn có điều kiện tách riêng hệ thống thoát nước mưa và nước thải, sẽ xây dựng hệ thống thoát nước nữa riêng.

c) Công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

+ Nạo vét suối cải tạo hướng dòng chảy một cách hợp lý nhằm thông thoáng dòng lũ, hạn chế xói lở; Hạn chế xây dựng tại các khu vực khai thác tài nguyên để giảm thiểu các tai biến thiên nhiên: sạt lở đất đá, lũ quét...

+ Xây dựng các công trình ổn định nền như: ta luy, tường chắn có chỉ tiêu kỹ thuật đúng với cấp công trình và tính chất, đặc thù của đất; Xây dựng công trình phòng tránh sạt lở bờ sông, các khu vực phát triển xây dựng tại các thềm dốc cần xây dựng ta luy, tường chắn đảm bảo ổn định nền;

+ Lập bản đồ xác định các vùng đã xảy ra và vùng có nguy cơ tai biến thiên nhiên theo các yếu tố: Sạt lở, lũ quét ngập lũ, hành lang xả lũ...;

+ Tăng cường năng lực của các hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện, phấn đấu đảm bảo chủ động tưới tiêu cho 90% diện tích canh tác. Từng bước thực hiện kế hoạch nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy, kiên cố hoá các tuyến kênh tưới. Làm mới một số tuyến mương nội đồng và các tuyến rãnh thoát nước trong khu dân cư.

+ Hoàn thiện các tuyến thủy lợi trên địa bàn huyện. Tập trung cải tạo, nâng cấp các công trình hiện có để phục vụ việc tưới, tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Thực hiện kiên cố hóa 31 công trình thủy lợi, cải tạo nâng cấp 100 công trình thủy lợi.

6.3. Định hướng cấp nước

Đảm bảo không ảnh hưởng tới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại ND 43/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015

Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước như sau:

** Đối với nguồn nước mặt:*

- Khu vực bảo vệ nguồn nước mặt: từ các điểm lấy nước của các con suối. Ngược theo chiều dòng chảy bán kính bảo vệ cấp 1 ≥ 200 , cấp 2 ≥ 1000 m; Xuôi theo chiều dòng chảy bán kính bảo vệ cấp 1 ≥ 100 , cấp 2 ≥ 250 m

+ Khu vực bảo vệ cấp 1: Nghiêm cấm các hoạt động xây dựng công trình nhà ở, xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản, sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây.

+ Khu vực bảo vệ cấp 2: Nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn môi trường

* *Khu vực bảo vệ nguồn nước ngầm*: Cần khai thác hợp lý và bảo vệ tránh nguồn nước bị suy thoái và ô nhiễm:

+ Khu vực nghiêm cấm xây dựng: với bán kính 50m tính từ tâm giếng cấm xây dựng các công trình không phải là công trình cấp nước.

+ Khu vực hạn chế xây dựng: với bán kính 300m tiếp theo tính từ vùng nghiêm cấm, các công trình xây dựng tại khu vực này cần có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, cấm xả nước thải ra môi trường để tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.

* *Khu vực bảo vệ nhà máy nước*

+ Trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý phải xây tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước.

+ Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi, sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi gia súc, gia cầm...

* Khu vực bảo vệ đường ống nước thô dẫn từ các suối về các nhà máy nước là 0,5m.

* Nước thải sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp cần phải xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi xả ra các suối.

6.4. Cấp điện

a) *Nguồn và mạng lưới cấp điện*: Theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và các yêu cầu phát triển thực tế.

b) *Chiếu sáng*:

- Quy định về chiếu sáng chức năng: Hệ thống chiếu sáng đường đảm bảo tỷ lệ 100% mạng lưới đường đô thị, 80-90% ngõ xóm được chiếu sáng tiết kiệm và hiệu quả. Xây dựng hệ thống điều khiển trung tâm cho chiếu sáng đường, khuyến khích điều kiện đến từng vị trí đèn. Phát triển các công nghệ mới cho chiếu sáng đô thị nhằm tiết kiệm năng lượng như đèn dùng pin mặt trời, đèn LED. Không sử dụng các loại đèn hiệu suất thấp cho chiếu sáng đô thị như đèn sợi đốt, đèn thủy ngân cao áp.

- Quy định về chiếu sáng cảnh quan: Trung tâm hành chính, chính trị, phố thương mại, di tích có giá trị, công trình cao tầng điểm nhấn, quảng trường và không gian mở gắn với hoạt động có đông người phải được chiếu sáng cảnh quan.

- Khuyến khích chiếu sáng lễ hội theo ngày lễ, dịp lễ, ngày nghỉ cuối tuần tại khu vực thương mại và giải trí, khu sinh hoạt cộng đồng tập trung đông người. Chiếu sáng thông tin tín hiệu, quảng cáo tại các tuyến phố chính hướng tâm vào đô thị.

c) Quản lý hành lang an toàn hệ thống:

- Quản lý hành lang cách ly đường điện, công trình điện phải tuân thủ theo Luật Điện lực 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực về an toàn điện.

- Quản lý không gian công trình điện: Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải đi ngầm; lưới điện cao áp 110 kV và 220kV đi trong nội thị của các đô thị từ loại II đến loại đặc biệt phải đi ngầm.

- Quy định về khoảng cách an toàn tối thiểu từ công trình xây dựng khác đến: Trạm biến áp đến 35KV là 3,0m; trạm biến áp đến 66,110KV là 4,0m; Trạm biến áp đến 220KV là 6,0m.

6.5. Thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt đô thị, y tế, cụm công nghiệp, làng nghề phải được xử lý đảm bảo các quy định tại các quy chuẩn môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Vị trí trạm XLNT quy hoạch mới phải ưu tiên ở cuối dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý, cuối hướng gió chính của đô thị. Vị trí điểm xả nước thải phải phù hợp với các quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên nước; Diện tích xây dựng trạm XLNT quy hoạch mới được xác định trên cơ sở công suất, công nghệ xử lý.. nhưng phải đảm bảo không được vượt quá chỉ tiêu 0,2ha/1000 m³/ngày.

- Khoảng cách an toàn về môi trường của trạm XLNT tối thiểu 80-100m

- Trạm bơm nước thải sử dụng máy bơm thả chìm đặt trong giếng kín thì không cần khoảng cách ATMT, nhưng phải có ống thông hơi xả mùi hôi ở cao độ >3m so với cao độ mặt đất;

- Bố trí dải cây xanh cách ly quanh khu vực xây dựng trạm XLNT với chiều rộng >10m;

- Trong phạm vi khoảng cách an toàn về môi trường chỉ được quy hoạch đường giao thông, bãi đỗ xe, công trình cấp điện, trạm trung chuyển CTR và các công trình khác của trạm bơm nước thải, trạm XLNT, không bố trí các công trình dân dụng khác;

6.6. Quản lý chất thải rắn, quản lý nghĩa trang

a) Quản lý chất thải rắn:

- Quy định về thu gom và phân loại CTR: Phải thu gom đạt tỷ lệ 100% lượng CTR phát sinh; thực hiện phân loại CTR tại nguồn phát sinh; phải thu gom, xử lý riêng đối với CTR công nghiệp, CTR y tế nguy hại.

- Quy định về xử lý CTR: Ưu tiên các công nghệ xử lý CTR hiện đại, tiết kiệm quỹ đất xây dựng.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường: Bãi chôn lấp vệ sinh phải có hàng rào bảo vệ; dải cây xanh cách ly ngoài hàng rào phải có chiều rộng tối thiểu là 20m.

- Quy định về khoảng cách ly vệ sinh môi trường tối thiểu:

+ Bãi chôn lấp CTR hỗn hợp (vô cơ và hữu cơ) hợp vệ sinh 1000m; Bãi chôn lấp vô cơ 100m; Nhà máy xử lý CTR 500m; Điểm, trạm trung chuyển CTR 25m

+ Trong phạm vi khoảng cách ly vệ sinh môi trường cần quản lý chặt chẽ, không xây dựng nhà ở tập trung, công trình công cộng tập trung đông người, xí nghiệp chế biến thực phẩm và điểm lấy nước phục vụ sinh hoạt.

b) Quản lý nghĩa trang:

- Quy định về sử dụng nghĩa trang và hình thức an táng: Sử dụng nghĩa trang tập trung xác định trong quy hoạch, ưu tiên hình thức hỏa táng. Đóng cửa dần đối với dịch vụ hung táng, cải tạo thành công viên đối với các nghĩa trang không đảm bảo khoảng cách ly hoặc đã lấp đầy.

- Khoảng cách ly vệ sinh môi trường đến điểm dân cư, công trình công cộng gần nhất phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng, cụ thể:

+ Đối với nghĩa trang có hung táng: tối thiểu là 1500m nếu không có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng; tối thiểu là 500m nếu có hệ thống thu gom và xử lý nước dò rỉ từ mộ hung táng.

+ Đối với nghĩa trang chôn cất 1 lần: tối thiểu là 500m.

+ Đối với nghĩa trang cát táng tối thiểu là 100m.

+ Đối với lò hỏa táng: bán kính tối thiểu là 500m tính từ ống khói lò hỏa táng.

6.7. Công trình ngầm

a) Quy định về phát triển hệ thống hạ tầng ngầm:

- Đối với đô thị cũ cải tạo chỉnh trang bao gồm đô thị trung tâm: Cải tạo hạ tầng tập trung vào các đường dây điện, đường dây viễn thông nổi.

- Đối với các khu chức năng, khu đô thị xây mới phải xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngầm, đồng bộ với hệ thống giao thông. Cấm xây dựng mới đường dây nổi tại các khu trung tâm đô thị, khu vực di sản kiến trúc, tuyến phố chính.

b) Quy định về hệ thống tuynel, cống, bể cáp:

Các tuynel nhánh xây dựng dọc theo các trục đường chính đến đường phân khu vực, các tuyến công bề cấp phục vụ nhu cầu dọc theo tuyến đường phải được xây dựng đồng bộ với các đường giao thông khi xây mới hoặc khi cải tạo tuyến phố.

6.8. Quy định về quản lý môi trường

- Phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường. Duy trì, bảo vệ và phát triển các khu cảnh quan đặc trưng, hệ sinh thái và tính đa dạng sinh học rừng tự nhiên phòng hộ và rừng sản xuất.

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường từ hoạt động sinh hoạt tại đô thị, các điểm du lịch, điểm dân cư nông thôn tập trung, các điểm khai thác khoáng sản trên địa bàn. Xử lý triệt để các nguồn gây ô nhiễm môi trường hiện hữu (bãi rác, nguồn nước thải, khai thác khoáng sản...). Xử lý ô nhiễm các bãi chôn lấp không hợp vệ sinh tại Khao Mang, xã Púng Luông và xã Nậm Khắt. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư lò đốt chất thải rắn sinh hoạt tại Khao Mang.

- Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Xây dựng Quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vùng du lịch sinh thái, vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn...

- Việc quyết định địa điểm và triển khai các dự án nhạy cảm về môi trường (khu xử lý rác, nghĩa địa, khu xử lý nước thải, các khu chăn nuôi tập trung...) sẽ được xem xét cụ thể trên cơ sở định hướng quy hoạch vùng và phải đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường theo quy định...

VII. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử văn hóa trong vùng

7.1. Vùng bảo tồn thiên nhiên

Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải nằm trên hệ thống núi hình vòng cung với quy mô khoảng 20.000ha thuộc địa phận xã Chế Tạo và một phần các xã tiếp giáp (Lao Chải, Dế Xu Phình, Púng Luông, Nậm Khắt).

Đối với các khu vực rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, cần kiểm soát nghiêm ngặt các hoạt động khai thác và phát triển dân cư, thiết lập vùng lõi bảo tồn hướng tới mục tiêu được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển của thế giới. Bảo tồn các đặc trưng về địa hình núi cao, khí hậu và đặc biệt là các sinh cảnh rừng á nhiệt đới.

Đôi với các khu vực sườn núi ở vùng lõi của xã Chế Tạo, tạo điều kiện cho đô thị hóa có kiểm soát để hình thành trung tâm dịch vụ đô thị và tiện ích công cộng thiết yếu. Xác định các quỹ đất thuận lợi để phát triển các trung tâm du lịch sinh thái gắn với bảo tồn và nghiên cứu tự nhiên. Khuyến khích trồng cây dược liệu và rừng sản xuất để nâng cao mật độ phủ xanh và cải thiện sinh kế địa phương.

Thúc đẩy các chương trình bảo tồn đa dạng sinh học và các nguồn gen động thực vật quý hiếm của hệ sinh thái rừng hiện hữu. Nghiêm cấm các hoạt động khai thác, săn bắt, tàng trữ, buôn bán động thực vật hoang dã.

Khởi xướng các sáng kiến về ứng cứu, phục hồi chức năng và tái hòa nhập cho các cá thể loài bị tổn thương. Tăng cường các hoạt động giáo dục, tập huấn về quản lý và bảo vệ môi trường nhằm nâng cao nhận thức cho khách tham quan lẫn cộng đồng dân cư địa phương.

7.2. Vùng bảo tồn cảnh quan ruộng bậc thang

Khu vực cảnh quan ruộng bậc thang thuộc các xã La Pán Tân, Chế Cu Nha, Dê Xu Phình với quy mô khoảng 2.500ha. Việc quản lý, bảo tồn và khai thác di tích quốc gia đặc biệt ruộng bậc thang Mù Cang Chải được thực hiện theo quy định của Luật di sản văn hóa, Luật đất đai và các văn bản khác có liên quan.

Hoạt động bảo tồn cảnh quan ruộng bậc thang phải song hành với các chương trình hỗ trợ nông nghiệp để bảo tồn kỹ thuật xây dựng, kinh nghiệm dân gian trong canh tác, trị thủy và quản lý nước. Không gian ruộng bậc thang phải được nghiên cứu trong một tổng thể thống nhất với nguồn nước tự nhiên ở các đỉnh núi cũng như không gian làng bản, trên cơ sở đó đề xuất các chiến lược, mô hình quản lý và khai thác nguồn nước hiệu quả, cân bằng cho các mục đích sinh hoạt, sản xuất và điều tiết lũ. Khuyến khích trồng các giống lúa ưa đất đòi cao, chịu hạn, thích ứng với biên độ thời tiết lớn. Khuyến khích trồng các loại cây chuyên đề hoặc trồng đồng bộ một loại cây trên một phạm vi diện tích để đạt được cùng thời điểm thu hoạch với hiệu quả thẩm mỹ cao.

Quy hoạch và thiết kế cảnh quan ruộng bậc thang phải được nghiên cứu tích hợp đồng bộ với quy hoạch giao thông, quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch thủy lợi và bảo vệ rừng. Cần thiết lập các không gian phục vụ tham quan du lịch như: bãi đỗ lượn, điểm check-in, dịch vụ dừng chân, điểm ngắm cảnh v.v. trên cơ sở không xung đột với hoạt động sản xuất và sinh sống của người dân. Kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động phát triển dân cư và dịch vụ du lịch tự phát tại các khu vực cảnh quan trọng điểm. Kiểm soát nghiêm ngặt không gian rừng và nguồn nước tại các đỉnh núi nhằm hạn chế tối đa các thay đổi thủy văn gây ảnh hưởng đến canh tác ruộng bậc thang.

Cần thúc đẩy các sự kiện quảng bá trong nước lẫn quốc tế về thương hiệu di sản ruộng bậc thang bằng nhiều hình thức: lễ hội dân gian, triển lãm nghệ thuật, lễ hội dù lượn, quảng cáo trực tuyến, tham quan thực tế ảo v.v.

7.3. Trục cảnh quan tự nhiên – văn hóa suối Nậm Kim

Đối với không gian hai bên suối Nậm Kim, một mặt cần đẩy mạnh khai thác các hoạt động du lịch và dịch vụ có liên quan, mặt khác cần kiểm soát và đưa ra các giải pháp thích ứng với thiên tai và thời tiết cực đoan.

Tiếp tục thúc đẩy sự tham gia của người dân trong trồng trọt, khoán quản lý, bảo vệ không gian rừng phòng hộ dọc theo suối Nậm Kim. Kiểm soát không gian rừng và nguồn nước tại các đỉnh núi để duy trì cảnh quan của hệ thống suối nhỏ.

Nghiêm cấm các hoạt động xây dựng, khai thác làm thay đổi chế độ dòng chảy của suối; khoanh vùng quản lý các khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở cao để hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai.

VIII. Phân công và quy định trách nhiệm quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền trong vùng theo đề án quy hoạch xây dựng vùng

8.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái

Chỉ đạo các sở ban ngành giám sát toàn bộ việc thực hiện, triển khai, quản lý xây dựng theo đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện và quy định quản lý theo đề án đã được duyệt.

8.2. Sở Xây dựng

Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan toàn bộ đô thị và một số khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.

8.3. Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải

- Thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, quản lý phát triển cải tạo và quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị theo đúng đề án được duyệt và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác thực hiện theo quy hoạch.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy hoạch, quy định quản lý có liên quan đã ban hành phù hợp với quy hoạch chung và quy định quản lý theo đề án quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức triển khai lập các đề án quy hoạch sau quy hoạch xây dựng vùng đúng các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng.

- Tổ chức triển khai lập chương trình và kế hoạch phát triển các khu vực đô thị theo đúng quy hoạch chung được duyệt.

- Báo cáo định kỳ hàng năm về việc thực hiện quy định quản lý và đồ án quy hoạch chung xây dựng, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

8.4. Các tổ chức, cá nhân

- Các đơn vị được phép đầu tư xây dựng dự án chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện Mù Cang Chải quản lý không gian kiến trúc trong phạm vi dự án đảm bảo đúng quy hoạch được phê duyệt đến khi bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý.

- Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc những nội dung đã nêu của Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan khi thực hiện các hoạt động liên quan đến quy hoạch xây dựng trên địa bàn Tỉnh.